TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/HN-ST
Ngày: 30-11-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Xuyên**

2. Ông **Nguyễn Văn Trí**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Ngọc Ký** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Ông **Bùi Quốc Nam** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Ngọc B** - Sinh năm 1989 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 170, ấp B, xã B, huyện Ph, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Quốc H –** Sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã A, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà Võ Thị Ngọc B trình bày: Vợ chồng sống chung vào năm 2006 đến năm 2014 đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai người tự tìm hiểu và quyết định. Vợ chồng sống đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng có quan hệ với người phụ nữ khác, không lo cho gia đình.

Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn Nguyễn Quốc H.

Về con chung: Bà B xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V – Sinh ngày 16/6/2009; Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 27/3/2013, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà B xác định không có.

Về nợ chung: Bà B xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

Ông Nguyễn Quốc H trình bày, thống nhất lời khai của bà B về thời gian kết hôn, không sống chung và nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Nay vợ xin ly hôn, ông không đồng ý xin 01 tháng để hàn gắn ở lại.

Về con chung: Ông H thống nhất có hai con chung như bà B trình bày. Sau khi ly hôn, ông yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà B.

Về quan hệ con chung: Bà B được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V – Sinh ngày 16/6/2009; Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 27/3/2013, hiện đang sống với bà. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà Võ Thị Ngọc B khởi kiện xin ly hôn Nguyễn Quốc H có nơi cư trú ấp K, xã A, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Quốc H đã được tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa, nhưng ông H vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Quốc H là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Bà Võ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Quốc H sống chung vào năm 2006, đến năm 2014 đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2015 đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chồng quan hệ với người phụ nữ khác, không lo làm ăn, vợ chồng bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà B yêu cầu được ly hôn, ông H không đồng ý xin hàn gắn ở lại. Hội đồng xét xử xét thấy, bà B và ông H kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, ông H đã được Tòa án tạo điều kiện để hàn gắn với vợ, nhưng ông không thiện chí hàn gắn, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà B hàn gắn ở lại, nhưng bà B cương quyết ly hôn vì tình cảm không còn. Điều này chứng tỏ tình cảm của bà B đối với ông H đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc bà B xin ly hôn ông H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà B xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V – Sinh ngày 16/6/2009; Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 27/3/2013, hiện đang sống với bà. Sau khi ly hôn, bà B, ông H yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu V và cháu Kim C sống chung với bà B, nên tình cảm gắn liền với người nuôi dưỡng. Do đó, yêu cầu của bà B phù hợp với nguyên vọng của cháu V, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

Do bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về quan hệ tài sản chung: Bà B, ông H xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Không có.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà Võ Thị Ngọc B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **Võ Thị Ngọc B** xin ly hôn ông **Nguyễn Quốc H**.

Về quan hệ con chung: Bà B được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Ngọc V – Sinh ngày 16/6/2009; Nguyễn Thị Kim C – Sinh ngày 27/3/2013, hiện đang sống với bà Bích. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H không trực tiếp nuôi con, nhưng ông có quyền tới lui thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản ông H thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không có, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận bà B, ông H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà B và ông H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0019670 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến An;
- Lưu.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức